

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 136/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30- 6-2021

V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa
chị L và anh B

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Phán;
Ông Nguyễn Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 11, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Anh Vũ Văn B, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 11, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị L, anh B)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21-02-2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Vũ Văn B đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29-01-2009 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh B ở xóm 11, xã A. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường bất đồng quan điểm sống, anh B đi làm xa nhà khoảng một đến hai tháng mới về một lần và còn có biểu hiện không chung

thủy. Chị L và gia đình đã khuyên bảo anh B nhiều lần Nng anh không thay đổi, mỗi lần hai vợ chồng nói chuyện lại rất dễ xảy ra va chạm, cãi nhau. Anh B đi làm Nng không tu chí làm ăn kinh tế, không gửi tiền về cho chị L nuôi con và cũng không quan tâm đến gia đình. Do đó, đến tháng 9-2018, chị L đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và chấm dứt mọi trách nhiệm và tình cảm với nhau. Nay chị L xét thấy tình cảm đối với anh B không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh B để vợ chồng giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 23-8-2011 và Vũ Tuyết C, sinh ngày 04-6-2014, hiện hai con đang ở cùng chị L. Khi ly hôn chị L đề nghị được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con. Tại đơn xin vắng mặt ngày 05-5-2021 chị L có ý kiến thay đổi về nuôi con chung: ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung là Vũ Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 23-8-2011, còn con chung Vũ Tuyết C, sinh ngày 04-6-2014 chị nhất trí để anh B nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc nên chị Hoàng Thị L không đến Tòa án làm việc được, chị L giữ nguyên lời khai ở trên và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

** Quá trình tố tụng bị đơn - anh Vũ Văn B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tại bản tự khai đề ngày 05-5-2021, bị đơn anh Vũ Văn B có lời khai phù hợp với lời khai của chị L về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh B xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra xích mích, cãi nhau do trong làm ăn kinh tế chứ không N chị L trình bày là anh có biểu hiện không chung thủy. Thời gian mâu thuẫn khoảng từ năm 2012 và tháng 9-2018 khi anh B đi sang nước Lào để làm ăn, chị L cùng các con về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Anh B có khuyên chị L vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái Nng chị L không nhất trí. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh B không nhất trí ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con còn nhỏ. Do anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị L và vợ chồng cũng chưa thực sự mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng. Nếu chị L quyết tâm ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh B công nhận vợ chồng có hai con chung N chị L đã trình bày. Tuy anh không nhất trí ly hôn Nng trường hợp chị L nhất quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung anh B đề nghị được nuôi con Vũ Tuyết C, sinh ngày 04-6-2014, còn con Vũ Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 23-8-2011 anh nhất trí để chị L nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện nay anh làm công việc tự do Nng thu nhập ổn định, đảm bảo để nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh B có lời khai phù hợp với chị L, vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L và anh B có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm N đã trình bày ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Hoàng Thị L và anh Vũ Văn B vắng mặt tại phiên tòa theo đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị L, anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị L và anh Vũ Văn B là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 29-01-2009. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường bất đồng quan điểm sống cả trong tình cảm và trong làm ăn kinh tế. Do đó, vợ chồng thường xảy ra xích mích, va chạm, cãi chửi nhau. Mặt khác, chị L còn cho rằng anh B có biểu hiện không chung thủy, không tu chí làm ăn và không quan tâm đến gia đình. Chị L đã động viên, khuyên bảo anh B nhiều lần Nng anh không thay đổi, chị L cùng con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh B.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị L đối với anh Vũ Văn B, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Mặc dù anh B không nhất trí ly hôn Nng xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh B xuất phát từ tính cách, lối sống của hai người không hợp nhau, ngoài ra còn do mâu thuẫn về tình cảm và về kinh tế nên vợ chồng đã xảy ra nhiều xích mích, xung đột không hòa giải được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9-2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai người không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm nên vẫn không có tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị xin ly hôn với anh B.

Anh B xác định vợ chồng có mâu thuẫn Nng anh mong muốn chị L bỏ qua để vợ chồng được đoàn tụ và nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, anh B không đưa ra được biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Nếu chị L quyết tâm ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin

ly hôn của chị L đối với anh B để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Vũ Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 23-8-2011 và Vũ Tuyết C, sinh ngày 04-6-2014, hiện hai con đang ở cùng chị L. Nay ly hôn chị L và anh B thống nhất đề nghị, chị L nuôi con Vũ Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 23-8-2011 và anh B nuôi con Vũ Tuyết C, sinh ngày 04-6-2014, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay và đề nghị xin nuôi con chung của chị L và anh B thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân, chị L cùng hai con chung về nhà bố mẹ đẻ chị L để ở, tuy nhiên chị L thường xuyên đi làm ăn ở Hà Nội, hai con chung chị nhờ bố mẹ đẻ chị chăm sóc các con. Ly hôn anh B có ý kiến xin được nuôi con chung là Vũ Tuyết C, sinh ngày 04-6-2014 và để chị L nuôi con chung Vũ Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 23-8-2011. Hiện nay chị L và anh B làm công việc tự do Nng anh chị đều có thu nhập. Ý kiến các con: Con lớn Vũ Hoàng Quỳnh N có nguyện vọng xin ở với mẹ, con nhỏ Vũ Tuyết C có nguyện vọng ở với bố. Nguyện vọng của các bên về việc nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần giao cháu Vũ Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 23-8-2011 cho chị L nuôi dưỡng trực tiếp, giao cháu Vũ Tuyết C, sinh ngày 04-6-2014 cho anh B nuôi dưỡng trực tiếp đến khi con chung thành niên. Các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau mà được thực hiện quyền thăm con không ai được cản trở Nng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản*: Chị L, anh B xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Hoàng Thị L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Vũ Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 23-8-2011 cho chị Hoàng Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc; Giao con chung Vũ Tuyết C, sinh ngày 04-6-2014 cho anh Vũ Văn B nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi con chung thành niên. Anh B và chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền thăm con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền thăm con Nng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh

hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con. Hiện nay hai con chung đang ở với chị L, chị L có trách nhiệm giao con chung Vũ Tuyết C cho anh B.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm Nng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0002600 ngày 27-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Hoàng Thị L đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án có quyền thỏa thuận th hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN

Nguyễn Ngọc Phán

Nguyễn Văn Hóa

Phạm Thúy Nga

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

